**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN GDCD 12**

**( Năm học 2021 – 2022 )**

**Bài 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG**

**I. LÝ THUYẾT**

**1. Khái niệm pháp luật.**

***a. Pháp luật là gì?***

- **Khái niệm** : Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

***b. Các đặc trưng của pháp luật : 3 đặc trưng*.**

- Pháp luật có tính quy phạm phổ biến.

- Pháp luật mang tính quyền lực, bắt buộc chung.

- Pháp luật có tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

**2. Bản chất của pháp luật : 2 bản chất**

- Bản chất giai cấp của pháp luật.

- Bản chất xã hội của pháp luật

**3. Mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức.**

**- Đạo đức** :- quy tắc được hình thành tự đời sống xã hội.

- N.dung: quan niệm: thiện – ác, nghĩa vụ, lương tâm ...

- **Pháp luật**: nhà nước xây dựng pháp luật dựa trên => đưa các quy tắc, chuaarm mực đạo đức phù hợp với sự tiến bộ và phát triển của xã hội => Quy phạm pháp luật.

=> **Pháp luật & đạo đức** : quan hệ chặt chẽ :

- quy tắc, khuôn mẫu, chuẩn mực xử sự chung

- giới hạn, đánh giá hành vi chủ thể (việc được, phải, không được làm)

**- Pl => phương tiện đặc thù thể hiện & bảo vệ các giá trị đạo đức cao đẹp.**

**4. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội : 2 vai trò**

- Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lí xã hội.

- Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

**II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Pháp luật XHCN mang bản chất của giai cấp

**A.** Nhân dân lao động **B.** Giai cấp cầm quyền

**C.** Giai cấp tiến bộ **D.** Giai cấp công nhân.

**Câu 2:** Pháp luật do nhà nước ta ban hành thể hiện ý chí, nhu cầu lợi ích của

**A.** Giai cấp công nhân **B.** Đa số nhân dân lao động

**C.** Giai cấp vô sản **D.** Đảng công sản Việt Nam

**Câu 3:** Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý

**A.** Quản lý XH **B.** Quản lý công dân

**C.** Bảo vệ giai cấp **D.** Bảo vệ các công dân.

**Câu 4:** Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ

**A.** Lợi ích kinh tế của mình **B.** Các quyền của mình

**C.** Quyền và nghĩa vụ của mình **D.** Quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

**Câu 5:** Pháp luật là

**A.** Hệ thống các văn bản và nghị định do các cấp ban hành và thực hiện.

**B.** Những luật và điều luật cụ thể trong thực tế đời sống.

**C.** Hệ thống các quy tắc sử xự chung do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

**D.** Hệ thống các quy tắc sử xự được hình thành theo điều kiện cụ thể của từng địa phương.

**Câu 6:** Pháp luật có đặc trưng là

**A.** Bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội.

**B.** Vì sự phát triển của xã hội.

**C.** Pháp luật có tính quy phạm phổ biến; mang tính quyền lực, bắt buộc chung; có tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

**D.** Mang bản chất giai cấp và bản chất xã hội.

**Câu 7:** Bản chất xã hội của pháp luật thể hiện ở

**A.** Pháp luật được ban hành vì sự phát triển của xã hội.

**B.** Pháp luật phản ánh những nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp trong xã hội.

**C.** Pháp luật bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động.

**D.** Pháp luật bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên của xã hội thực hiện, vì sự phát triển của xã hội.

**Câu 8:** Nội dung cơ bản của pháp luật bao gồm:

**A.** Các chuẩn mực thuộc về đời sống tinh thần, tình cảm của con người.

**B.** Quy định các hành vi không được làm.

**C.** Quy định các bổn phận của công dân.

**D.** Các quy tắc xử sự (việc được làm, việc phải làm, việc không được làm)

**Câu 9:** Một trong những đặc điểm để phân biệt pháp luật với quy phạm đạo đức là:

**A.** Pháp luật có tính quyền lực, bắt buộc chung. **B.** Pháp luật có tính quyền lực.

**C.** Pháp luật có tính bắt buộc chung. **D.** Pháp luật có tính quy phạm.

**Câu 10: Pháp luật là phương tiện để công dân**

**A. Tự bảo vệ mình.**

**B. Thực hiện quyền tự do của mình.**

**C. Bảo vệ mọi quyền lợi của mình.**

**D. Thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.**

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1D** | **2B** | **3A** | **4D** | **5C** | **6C** | **7D** | **8D** | **9A** | **10D** |

**Bài 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT**

**I. LÝ THUYẾT**

**1.Khái niệm, các hình thức và các giai đoạn thực hiện pháp luật.**

***a. Khái niệm thực hiện pháp luật.***

- **Thực hiện pháp luật** là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các **cá nhân, tổ chức**.

***b. Các hình thức thực hiện pháp luật: 4 hình thức***

 - Sử dụng pháp luật: Các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật cho phép làm..

- Thi hành pháp luật: Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm.

- Tuân thủ pháp luật: Các cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm.

- Áp dụng pháp luật: Các cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào PL để ra các quyết định làm phát sinh, chấm dứt hoặc thay đổi việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức.

**2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.**

***a. Vi phạm pháp luật.***

Các dấu hiệu cơ bản để nhận biết một hành vi VPPL:

- Thứ nhất, đó là hành vi trái pháp luật

- Thứ hai, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện.

- Thứ ba, người vi phạm pháp luật phải có lỗi.

***\*Kết luận:*** Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

***b. Trách nhiệm pháp lí.***

- KN : Trách nhiệm pháp lí là **nghĩa vụ** mà cá nhân hoặc tổ chức phải **gánh chịu hậu quả bất lợi** từ hành vi vi phạm PL của mình.

***c. Các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.***

Vi phạm hình sự: Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự. Chịu trách nhiệm hình sự và các biện pháp tư pháp được quy định trong bộ luật hình sự.

Vi phạm hành chính: Là các hành vi xâm phạm các quy tắc quản lí nhà nước. Chịu các hình thức xử lí hành chính do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng.

Vi phạm dân sự: Là hành vi trái pháp luật xâm phạm tới các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân. Chịu các biện pháp nhằm khôi phục lại tình trạng ban đầu của các quyền dân sự bị vi phạm.

Vi phạm kỉ luật: Là hành vi trái pháp luật xâm hại các quan hệ lao động và công vụ nhà nước. Chịu các hình thức kỉ luật do thủ trưởng cơ quan, xí nghiệp, trường học áp dụng đối với cán bộ - công nhân viên – học sinh – sinh viên của tổ chức mình.

**II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Trong các hành vi dưới đây hành vi nào thể hiện hình thức áp dụng pháp luật?

**A.** Người tham gia giao thông không vượt qua ngã tư khi có tín hiệu đèn đỏ

**B.** Công dân A gửi đơn khiếu nại lên cơ quan nhà nước

**C.** Cảnh sát giao thông xử phạt người không đội mũ bảo hiểm

**D.** Anh A chị B đến UBND phường đăng ký kết hôn

**Câu 2:** Thế nào là người có năng lực trách nhiệm pháp lý?

**A.** Là người đạt một độ tuổi nhất định theo qui định của PL, có thể nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

**B.** Là người không mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức.

**C.** Là người tự quyết định cách xử sự của mình và độc lập chịu trách nhiệm về hành vi đã thực hiện.

**D.** Là người đạt một độ tuổi nhất định theo qui định của PL.

**Câu 3: Nam công dân từ đủ 18 đến 25 tuổi phải thực hiện nghĩa vụ quân sự, thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào?**

**A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.**

**Câu 4: Trong các hình thức thực hiện pháp luật thì hình thức nào khác về chủ thể?**

**A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.**

**Câu 5:** Trong các hành vi dưới đây hành vi nào thể hiện công dân sử dụng pháp luật?

**A.** Người kinh doanh trốn thế phải nộp phạt

**B.** Anh A chị B đến UBND phường đăng ký kết hôn

**C.** Các bên tranh chấp phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của PL

**D.** Công ty X thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo quy định pháp luật

**Câu 6:** Quan hệ xã hội nào dưới đây không phải là quan hệ pháp luật

**A.** Anh A chị B làm thủ tục đăng ký kết hôn **B.** Quan hệ về tình yêu nam – nữ

**C.** Chị N ra chợ mua rau **D.** Quan hệ lao động

**Câu 7:** Trong các nghĩa vụ sau đây nghĩa vụ nào không phải là nghĩa vụ pháp lý?

**A.** Con cái có nghĩa vụ phụng dưỡng cha mẹ già

**B.** Người kinh doanh phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế

**C.** Thanh niên đủ 18 tuổi phải thực hiện nghĩa vụ quân sự

**D.** Đoàn viên thanh niên phải chấp hành điều lệ của Đoàn

**Câu 8: Ngồi trên xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm là hình thức nào của thực hiện pháp luật?**

**A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.**

**Câu 9: Thực hiện pháp luật là nghĩa vụ:**

**A.** Của riêng các công dân. **B.** Của riêng cán bộ, công chức nhà nước.

**C.** Của mọi cá nhân, tổ chức. **D.** Của mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức.

**Câu 10: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) đăng kí kết hôn cho công dân, có nghĩa là UBND xã đã**

**A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.**

**Câu 11: “Công dân đủ 21 tuổi trở lên có quyền được ứng cử vào cơ quan đại biểu của nhân dân” thuộc về hình thức nào của thực hiện pháp luật ?**

**A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.**

**Câu 13: Người đi xe đạp, xe máy không đi vào đường ngược chiều, có nghĩa là họ đã:**

**A.** Sử dụng pháp luật. **B.** Thi hành pháp luật. **C.** Tuân thủ pháp luật. **D.** Áp dụng pháp luật.

**Câu 14: Trong các hình thức thực hiện pháp luật thì hình thức nào khác về nội dung**

**A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.**

**Câu 15:** Chị C không đội mũ bảo hiểm khi đi xe trên đường, trong trường hợp này chị C đã:

**A.** Không sử dụng pháp luật. **B.** Không thi hành pháp luật.

**C.** Không tuân thủ pháp luật. **D.** Không áp dụng pháp luật.

**Câu 16:** Vi phạm pháp luật có các dấu hiệu

**A.** Là hành vi trái pháp luật. **B.** Do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện.

**C.** Lỗi của chủ thể.

**D.** Là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện.

**Câu 17:** Vi phạm hình sự là

**A.** Hành vi rất nguy hiểm cho xã hội. **B.** Hành vi nguy hiểm cho xã hội.

**C.** Hành vi tương đối nguy hiểm cho xã hội. **D.** Hành vi đặc biệt nguy hiểm cho xã hội.

**Câu 18:** Vi phạm hành chính là những hành vi xâm phạm đến

**A.** quy tắc quản lí của nhà nước **B.** quy tắc kỉ luật lao động

**C.** quy tắc quản lí XH **D.** nguyên tắc quản lí hành chính

**Câu 19:** Người phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra có độ tuổi theo quy định của pháp luật là:

**A.** Từ đủ 14 tuổi trở lên. **B.** Từ đủ 16 tuổi trở lên.

**C.** Từ 18 tuổi trở lên. **D.** Từ đủ 18 tuổi trở lên.

**Câu 20:** Đối tượng nào sau đây phải chịu mọi trách nhiệm về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra?

**A.** Người từ đủ 16 tuổi trở lên

**B.** Tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân người nước ngoài

**C.** Người từ đủ 18 tuổi trở lên

**D.** Tổ chức hoặc cá nhân từ đủ 16 tuổi trở lên

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1C** | **2A** | **3B** | **4D** | **5B** | **6B** | **7D** | **8B** | **9C** | **10D** | **11A** | **13C** | **14A** | **15B** | **16D** | **17B** | **18A** | **19B** |
| **20A** |

**Bài 3: CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT**

**I. LÝ THUYẾT**

*Bình đẳng trước pháp luật có nghĩa là mọi công dân,nam, nữ thuộc các dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật.*

**1. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.**

- **Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ** có nghĩa là **bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ** trước Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.

**2. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.**

***- Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí*** là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lí theo quy định của pháp luật.

**3. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.**

- Quyền và nghĩa vụ công dân được quy định trong Hiến pháp và pháp luật.

- Nhà nước và xã hội có trách nhiệm cùng **tạo ra các điều kiện vật chất, tinh thần** để đảm bảo cho công dân có khả năng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Nhà nước **xử lí nghiêm minh** những hành vi vi phạm quyền và lợi ích của công dân và của xã hội.

**II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ vi phạm như nhau, trong một hoàn cảnh như nhau thì đều phải chịu trách nhiệm pháp lí

**A.** như nhau **B.** ngang nhau **C.** bằng nhau **D.** có thể khác nhau.

**Câu 2:** Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi

**A.** dân tộc, giới tính, tôn giáo **B.** thu nhập tuổi tác địa vị

**C.** giới tính, dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội **D.** dân tộc, độ tuổi, giới tính

**Câu 3:** Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là

**A.** Công dân ở bất kỳ độ tuổi nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý như nhau.

**B.** Công dân nào vi phạm quy định của cơ quan, đơn vị, đều phải chịu trách nhiệm kỷ luật.

**C.** Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**D.** Công dân nào do thiếu hiểu biết về pháp luật mà vi phạm pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

**Câu 4:** Công dân bình đẳng trước pháp luật là

**A.** Công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau nếu cùng giới tính, dân tộc, tôn giáo.

**B.** Công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau tùy theo địa bàn sinh sống.

**C.** Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của đơn vị, tổ chức, đoàn thể mà họ tham gia.

**D.** Công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

**Câu 5:** Những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân sẽ bị nhà nước

**A.** Ngăn chặn, xử lí **B.** xử lí nghiêm minh **C.** xử lí thật nặng **D.** xử lí nghiêm khắc.

**Câu 6:** Điều 16, Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Mọi người đều

**A.** bình đẳng trước Nhà nước **B.** bình đẳng về quyền lợi

**C.** bình đẳng trước pháp luật **D.** bình đẳng về nghĩa vụ

**Câu 7:** **Ðiều 52,** Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Mọi công dân đều

**A.** bình đẳng trước Nhà nước **B.** bình đẳng về quyền lợi

**C.** bình đẳng trước pháp luật **D.** bình đẳng về nghĩa vụ

**Câu 8:** Tham gia quản lý Nhà nước và xã hội là một trong những

**A.** quyền của công dân **B.** nghĩa vụ của công dân

**C.** trách nhiệm của công dân **D.** quyền và nghĩa vụ của công dân

**Câu 9:** Bình đẳng trước pháp luật được áp dụng đối với

**A.** mọi công dân **B.** chỉ những công dân đủ 18 tuổi trở lên

**C.** những công dân không vi phạm **D.** những công dân nam

**Câu 10:** Công dân có quyền cơ bản nào sau đây

**A.** Quyền bầu cử, ứng cử **B.** Quyền tổ chức lật đổ

**C.** Quyền lôi kéo, xúi giục **D.** Quyền tham gia tổ chức phản động

Câu 11. Quyền và nghĩa vụ công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần, địa vị xã hội, thể hiện ở

**A.** công dân bình đẳng về quyền. **B.** công dân bình đẳng về nghĩa vụ

**C.** công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý **D.** công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ

Câu 12. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ được hiểu là

**A.** Mọi công dân đều được hưởng quyền như nhau theo quy định của pháp luật

**B.** Mọi công dân đều phải có nghĩa vụ như nhau theo quy định của pháp luật

**C.** Mọi công dân đều được bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội theo quy định của Pháp luật.

**D.** Mọi công dân đều có quyền và nghĩa vụ giống nhau.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1A** | **2A** | **3C** | **4D** | **5B** | **6C** | **7C** | **8A** | **9A** | **10A** | **11D** | **12C** |